

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2019/HNGĐ – ST**

Ngày: 04-9- 2019

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hồ Lân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Châu

2/ Ông Trọng Văn Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử A của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

– **Nguyên đơn: Chị H** – sinh ngày: 03/6/1983; Trú tại: khu phố THĐ, thị trấn DG, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

– **Bị đơn: Anh L** – sinh năm: 1980; Trú tại: khu phố THĐ, thị trấn DG, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 5 năm 2019, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã XT, huyện LK, tỉnh Đồng Nai (nay là UBND thị trấn DG,

huyện TN, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 30/9/2002 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L nhậu nhẹt rồi kiếm chuyện chửi bới, đánh đập vợ con, chị đã nhiều lần bỏ qua, cho anh anh L cơ hội để thay đổi nhưng không có kết quả. Vì con nên chị đã chịu đựng thời gian dài, đến nay tình cảm cũng không còn, chị cảm thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh L.

– Về con chung: vợ chồng có hai con chung là U – sinh ngày 23/12/2002 và H1 – sinh ngày 19/02/2005. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U, đồng ý giao cho anh L trực tiếp nuôi cháu H1.

– Về tài sản chung, về nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh L trình bày:

Anh L thừa nhận vợ chồng kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, đăng ký tại UBND xã XT, huyện LK, tỉnh Đồng Nai vào ngày 30/09/2002 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật. Đây là hôn nhân lần đầu của anh L.

Hiện nay vợ chồng không sống chung một nhà, không sống chung từ ngày 11/3/2019 cho đến nay, lý do chị H bỏ nhà đi là do anh có đánh cháu H1, nhưng chị H không đồng ý việc anh đánh con nên chị H đã dẫn cháu H1 và cháu U lên nhà ngoại (Nhà ngoại cùng ấp). Từ ngày 11/3/2019 đến nay anh không có gặp mặt chị H, gọi điện thì chị H không bắt máy, chị H có yêu cầu anh đừng có làm phiền gia đình ngoại. Anh L cho biết từ năm 2010 cho đến nay cuộc sống không có hạnh phúc, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc, tiền bạc anh làm được bao nhiêu đều đưa cho chị H giữ nhưng khi có việc hỏi đến thì chị H bảo không có tiền. Ngoài ra chị H thiếu sự quan tâm đến anh. Mặc dù anh cũng có nhiều lần góp ý nhưng chị H không thay đổi. Khoảng 5 năm trở lại đây chị H không còn tôn trọng anh, như vợ chồng đang ngủ nhưng chị cứ bấm điện thoại, anh nhắc nhở nhưng chị không nghe. Sự thật như thế nào thì anh khai như vậy chứ không có gì để chứng minh. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn, do anh vẫn còn tình cảm, tình thương với chị H, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

– Về con chung: vợ chồng có hai con chung là U – sinh ngày 23/12/2002 và H1 – sinh ngày 19/02/2005.

Hiện H1 đang ở chung nhà với anh; còn cháu U thì đang ở với chị H. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H1, đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu U.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh L không yêu cầu.

– Về tài sản chung, về nợ chung: anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm; Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L, nên đây là vụ án “Ly hôn”. Bị đơn L cư trú tại ấp THĐ, xã XT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. (Nay là khu phố THĐ, thị trấn DG, huyện TN, tỉnh Đồng Nai) nên theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa anh L vắng mặt, nhưng anh L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Chị H và L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn vào ngày 30/9/2002 tại UBND xã XT, huyện LK, tỉnh Đồng Nai nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị H:

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Chị H và anh L đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2010, đời sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc từ năm 2010 cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, do mâu thuẫn về tiền bạc. Đến ngày 30/4/2019 thì vợ chồng đã không còn sống chung một nhà với nhau và cũng không có sự quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Chị H đã tự bỏ về nhà mẹ sống ngày 30/4/2019. Từ đó cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, cụ thể chị H về nhà mẹ để sống, còn anh L vẫn sống tại căn nhà chung của vợ chồng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng chị H và anh L đều đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân giữa chị H và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.2] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị H:

Chị H và anh L có hai con chung là U – sinh ngày 23/12/2002 và H1 – sinh ngày 19/02/2005.

Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu U của chị H thì thấy:

Cháu U có nguyện vọng được ở chung với mẹ, từ trước đến nay cháu ở trực tiếp với mẹ, anh L cũng đồng ý giao cháu U cho chị H nuôi dưỡng. Từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu U cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Cháu H1 có nguyện vọng được ở chung với ba, hiện cháu đang ở chung nhà với anh L, giữa anh L và chị H cũng có sự thỏa thuận để cháu H1 sống chung trực tiếp với anh L. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh L, giao cháu H1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 7 Nghị Quyết 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét chị H là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 9;10;11;12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 19; 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H

Về hôn nhân: Chị H và anh L được ly hôn.

Về con chung:

Giao cháu U – sinh ngày 23/12/2002 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu H1 – sinh ngày 19/02/2005 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm thời chị H và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh L có quyền, nghĩa vụ: Tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, đến thăm nom con, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở...

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Hai trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tại biên lai số 001856 ngày 08/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND thị trấn DG, H. TN, T. Đồng Nai;
- Lưu: văn thư;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hồ Lân